

Tháng 8 năm 2020

TÔNG CÔNG TY THUY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
(Thành lập tại Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2020
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2020

MỤC LỤC

1-2	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
3-4	BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
5-6	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
7	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
8	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
9-41	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tông Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tông Công ty") đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tông Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tông Công ty đã điều hành Tông Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn
Ông Nguyễn Quốc Huy
Ông Mai Xuân Phong
Ông Nguyễn Việt Dũng
Ông Trần Mạnh Hữu
Ông Trần Hoàng Lâm
Ông Trương Bảo Kim

Ban Tổng Giám đốc

Ông Mai Xuân Phong
Ông Trần Mạnh Hữu
Ông Nguyễn Thành Trung

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tông Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Mai Xuân Phong - Tông Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tông Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phân ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tông Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tông Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tông Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kê toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phân ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tông Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kê toán và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tông Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và các luồng lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Mai Xuân Phong
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TẠI CHÍNH TỌNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi:

**Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2020, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (gọi chung là “Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty đúng đắn về mặt trình bày và trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TẠI CHÍNH TỌNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Văn đề cần nhận mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ số 5, theo Giấy chứng nhận phân vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cổ May số 01/GCN-CMC ngày 20/3/2015 thì Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần) đã góp đủ giá trị phần vốn góp (theo vốn điều lệ) là 15.000.000 VND dưới hình thức giá trị công trình trên đất, tiền hồ trợ di dời và giá trị lợi thế về khai thác, quản lý sử dụng khu đất tại chân cầu Cổ May. Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản đầu tư trên do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu có gửi Công văn số 2281/UBND-VP ngày 10 tháng 4 năm 2015 yêu cầu thu hồi đất do Tổng Công ty quản lý tại chân cầu Cổ May thuộc dự án đầu tư nêu trên và ra thông báo số 643/TB - UBND ngày 18 tháng 9 năm 2019 về việc tổ chức đấu thầu thực hiện dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Cổ May.

Như trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ số 19 liên quan đến bản án phúc thẩm số 346/2019/HS-PT ngày 13/6/2019: Trong đó, tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội ra Quyết định có nội dung liên quan đến quyền và lợi ích của Tổng Công ty như sau: "Buộc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam nộp số tiền 250.000.000 VND (tiền gốc) và 18.403.423,025 VND (tiền lãi) đã vay của Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 cho Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền để đảm bảo cho việc thi hành án đối với nghĩa vụ của pháp nhân, trách nhiệm của bị cáo Phan Văn Anh Vũ trong vụ án này và các giao dịch khác có liên quan", tuy nhiên, Tổng Công ty chưa nộp tiền theo Quyết định trên và đang tiếp tục kháng nghị với thủ tục Giám đốc thẩm, cũng như tiếp tục làm việc cùng các cơ quan có thẩm quyền.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0657-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

MÃ SỐ B 01A-DN	Đơn vị: VND	Thuyết minh		TÀI SẢN
		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	
		231.230.209.147	205.036.163.652	A - TÀI SẢN NGẮN HẠN
		4.860.691.037	12.193.774.141	1. Tiền và các khoản tương đương tiền
		2.700.529.837	10.619.631.241	1. Tiền
		2.160.161.200	1.574.142.900	2. Các khoản tương đương tiền
		162.688.950.685	124.278.890.959	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn
		162.688.950.685	124.278.890.959	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
		55.635.042.219	59.991.542.834	III. Các khoản phải thu ngắn hạn
		35.213.630.580	26.416.091.700	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng
		1.780.685.422	1.513.380.342	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn
		1.780.685.422	1.513.380.342	3. Phải thu ngắn hạn khác
		22.624.014.221	36.172.517.838	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi
		8.012.362.721	8.420.431.973	IV. Hàng tồn kho
		8.021.372.721	8.429.441.973	1. Hàng tồn kho
		33.162.485	151.523.745	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
		33.162.485	151.523.745	V. Tài sản ngắn hạn khác
		151	151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn
		200	1.608.094.223.510	B - TÀI SẢN DÀI HẠN
		4.007.253.201	3.944.749.322	I. Các khoản phải thu dài hạn
		4.007.253.201	3.944.749.322	1. Phải thu dài hạn khác
		220	43.646.403.331	II. Tài sản cố định
		221	22.883.070.940	1. Tài sản cố định hữu hình
		222	100.186.459.254	- Nguyên giá
		223	77.303.388.314	- Giá trị hao mòn lũy kế
		227	20.353.532.319	2. Tài sản cố định vô hình
		228	25.979.238.472	- Nguyên giá
		229	5.625.706.153	- Giá trị hao mòn lũy kế
		240	636.028.349.013	III. Tài sản dở dang dài hạn
		242	636.028.349.013	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang
		250	925.632.136.713	IV. Đầu tư tài chính dài hạn
		251	148.758.961.387	1. Đầu tư vào công ty con
		252	662.982.094.919	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết
		253	138.356.750.401	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác
		254	24.465.669.994	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn
		260	1.131.513.802	V. Tài sản dài hạn khác
		261	1.131.513.802	1. Chi phí trả trước dài hạn
		270	1.839.324.432.657	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)
			1.806.863.584.144	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND
 Thu yết
 Mã số
 Minh
 Số cuối kỳ
 Số đầu kỳ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thu yết	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	354.138.442.707	352.006.329.130	329.282.172.330
1. Nợ ngắn hạn	310	331.474.285.907	331.474.285.907	329.282.172.330
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	268.300.700	268.300.700	3.120.275.544
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.567.000	4.567.000	4.547.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	626.570.423	626.570.423	578.561.612
4. Phải trả và người lao động	314	80.236.000	80.236.000	6.810.243.677
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	69.755.844.701	69.755.844.701	59.764.887.743
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20.454.545	20.454.545	20.454.545
7. Phải trả và ngắn hạn khác	319	9.035.908.921	9.035.908.921	8.650.458.061
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	250.000.000.000	250.000.000.000	250.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1.682.403.617	1.682.403.617	332.744.148
II. Nợ dài hạn	330	22.664.156.800	22.724.156.800	22.724.156.800
1. Phải trả dài hạn khác	337	19.100.080.000	19.100.080.000	19.160.080.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	3.564.076.800	3.564.076.800	3.564.076.800
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1.485.185.989.950	1.454.857.255.014	1.454.857.255.014
1. Vốn chủ sở hữu	410	1.485.185.989.950	1.454.857.255.014	1.454.857.255.014
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	1.250.000.000.000	1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	1.250.000.000.000	1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415	(95.950.000)	(95.950.000)	(95.950.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	8.050.891.094	5.051.304.622	5.051.304.622
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	227.231.048.856	199.901.900.392	199.901.900.392
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	192.385.797.919	139.910.170.960	139.910.170.960
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	34.845.250.937	59.991.729.432	59.991.729.432
TỔNG CÔNG NGUỒN VỐN(440 = 300 + 400)	440	1.839.324.432.657	1.806.863.584.144	1.806.863.584.144



Mai Xuân Phong
 Tổng Giám đốc
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Vũ Thị Hồng Gấm
 Phụ trách kế toán

Vũ Quốc Việt
 Người lập biên

(Handwritten signatures in blue ink)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

CHI TIÊU	Mã	số	Thuyết	minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24			71.557.865.835	62.377.118.128
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24			35.792.026	88.006.898
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24			71.522.073.809	62.289.111.230
4. Giá vốn hàng bán	11	25			52.446.306.978	50.395.790.839
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20				19.075.766.831	11.893.320.391
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27			22.893.843.741	24.267.167.122
7. Chi phí tài chính	22	28			15.438.069	8.667.718.493
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	23			15.205.479	8.678.082.192
8. Chi phí bán hàng	25	29			1.351.901.983	1.374.292.388
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29			5.664.583.713	5.486.839.781
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30				34.937.686.807	20.631.636.851
11. Thu nhập khác	31				22.463.007	15.142.564
12. Chi phí khác	32				114.898.877	26.436.161
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40				(92.435.870)	(11.293.597)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50				34.845.250.937	20.620.343.254
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30			-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60				34.845.250.937	20.620.343.254



Mai Xuân Phong
 Tổng Giám đốc
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Và Thị Hồng Cẩm
 Phụ trách kế toán
 Võ Quốc Việt
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TÔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

CHI TIẾT	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	34.845.250.937	20.620.343.254
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.351.432.550	8.870.295.209
- Các khoản dự phòng	03	(127.159.042)	(432.879.790)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	232.590	(2.737.232)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(22.150.208.950)	(24.108.549.315)
- Chi phí lãi vay	06	15.205.479	8.678.082.192
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14.934.753.564	13.624.554.318
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(10.791.631.215)	(21.814.795.458)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	408.069.252	755.564.427
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.943.573.289)	(1.169.468.104)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	288.656.968	273.992.982
- Tiền lãi vay đã trả	14	(15.205.479)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.166.856.532)	(1.427.249.200)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20	(6.285.786.731)	(9.757.401.035)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	-	(721.140.000)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(165.919.031.869)	(102.560.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	127.508.972.143	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	37.362.763.353	38.802.002.188
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	(1.047.296.373)	(64.479.137.812)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(7.333.083.104)	(74.236.538.847)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12.193.774.141	83.523.587.822
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	28.027
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	4.860.691.037	9.287.077.002

Mai Xuân Phong
 Tổng Giám đốc
 Tp Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Và Thị Hồng Gấm
 Phụ trách kế toán

Võ Quốc Việt
 Người lập biên



Handwritten signatures of Mai Xuân Phong and Võ Quốc Việt.

- Khai thác thủy sản biển;
- Khai thác thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Sản xuất giống thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở);
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất rượu vang (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bia, mạch nha và men bia (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (không hoạt động tại trụ sở);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Đóng tàu và cầu kiện nổi (không hoạt động tại trụ sở);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác), (không tải chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí tại trụ sở),
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2020 là 78 người (tài ngày 01/01/2020 là 72 người).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
VND	%	VND	%	VND	%
792.280.000.000	63,38%	792.280.000.000	63,38%	792.280.000.000	63,38%
167.500.000.000	13,40%	167.500.000.000	13,40%	167.500.000.000	13,40%
-	0,00%	-	0,00%	251.250.000.000	0,00%
249.560.000.000	19,96%	249.560.000.000	19,96%	-	-
95.950.000	0,01%	95.950.000	0,01%	95.950.000	0,01%
40.564.050.000	3,25%	40.564.050.000	3,25%	38.874.050.000	3,25%
1.250.000.000.000	100%	1.250.000.000.000	100%	1.250.000.000.000	100%

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1.250.000.000.000 VND, chi tiết như sau:

Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") là doanh nghiệp được cơ phân hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310745210 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2011 và hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 17 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 ngày 08 tháng 11 năm 2018 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.

Hình thức sở hữu vốn

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Mã số B 09a-DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động chính của Tổng Công ty là nuôi trồng thủy sản, thương mại và dịch vụ cho thuê văn phòng.

- mua hải sản, dịch vụ cầu cảng, tiếp nhận hàng hải sản qua cầu cảng cho ngư dân).
- Dịch vụ hậu cần nghề cá (cung cấp dầu, nước ngọt, lương thực, thực phẩm cho ngư dân, thu
- Tư vấn đầu tư (tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý);
- Dạy nghề;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quang bá và tổ chức tua du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Đại lý du lịch;
- Việc ở nước ngoài;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước. Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Thiết kế phương tiện thủy nội địa;
- Nghiên cứu thị trường và tham dò dư luận;
- Quảng cáo;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Tư vấn đầu thầu;
- Kinh doanh bất động sản;
- Nhà hàng và các dịch vụ, ăn uống lưu động;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở);
- Doanh bên bán xe ô tô, vận tải hàng không);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí dễ vận chuyển, kinh
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viên dương;
- Vận tải hành khách ven biển và viên dương;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- LPG tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán lẻ nhiều loại hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán Thành phố Hồ Chí Minh);
- dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa
- UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban Nhân
- Bản lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-
- Bản buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bản buôn kim loại và quặng kim loại;
- LPG tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Bản buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng
- Bản buôn mây móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bản buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bản buôn mây vi tinh, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bản buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ được phẩm);
- Bản buôn đồ uống;
- Bản buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- số);
- Bản buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

I. THÔNG TIN KHAI QUÁT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
 MÀU SỐ B 09a-DN
 Số 2 - 4 - 6 Đông Khởi, Phường Bến Nghé,
 Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc Tổng Công ty

Tên công ty	Địa điểm thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội	Số 20 Làng Hạ, Phường Làng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	59,34%	59,34%	Sản xuất, xuất khẩu và thương mại
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Nam Cần	Khu vực 1, Khóm 3, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau	50,83%	50,83%	Sản xuất và dịch vụ
Công ty Cổ phần Cơ khí Động tàu - Thủy sản Việt Nam	Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hà Lý, Quận Hoàng Bang, Tp. Hải Phòng	62,37%	62,37%	Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ

Các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	Số 244 Bui Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Hồ Chí Minh	47,90%	47,90%	Sản xuất, thương mại và dịch vụ
Công ty Cổ phần Đông sửa tàu Nhà Bè	Số 16/8B Bui Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Hồ Chí Minh	26,46%	26,46%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hà Long	Số 8 Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khanh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội	20%	20%	Sản xuất và thương mại
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	Số 100/26 Bình Thới, Phường 14, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh	22,59%	22,59%	Gia công, chế biến, mua bán hàng hóa nông thủy hải sản, rau quả
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hà Long	Số 71 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng	27,75%	27,75%	Sản xuất, chế biến, đóng hộp và xuất khẩu các mặt hàng thủy, hải sản, sản phẩm lạnh và các thực phẩm khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc Tổng Công ty (Tiếp theo)

Các công ty liên doanh, liên kết (Tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4	Số 320 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh	27,08%	Nuôi trồng, chế biến thủy hải sản, nông sản; kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	Số 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng	36,40%	Sản xuất, thương mại và chế biến thủy sản
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	Phường An Lợi Đông, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh	50,00%	Sản xuất và thương mại
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thực phẩm gia súc Proconco	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Tỉnh Đồng Nai	22,08%	Sản xuất thực phẩm chăn nuôi, thực hiện các dịch vụ chăn nuôi thú y và thu mua gà, lợn để chế biến tiêu thụ trong nước và xuất khẩu

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần - Seaprodex Lâm Đồng	Thôn Kơ Nết, Xã Bảo Thuận, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng
Chi nhánh Seaprodex Hải Phòng - Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng

2. KỶ KẾ TOÀN, CHUẨN MỨC KẾ TOÀN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÀN ÁP DỤNG

KỶ KẾ TOÀN
Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Chế độ Kế toán áp dụng
Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phân ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn

Tại ngày 30/6/2020, Tổng Công ty có tổng nợ phải trả ngắn hạn đang lớn hơn tài sản ngắn hạn là 100.244.076.760 VND (tại ngày 01/01/2020 là 124.246.008.678 VND), ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng Tổng Công ty không gặp vấn đề gì về thanh toán nợ ngắn hạn vì phần lớn giá trị các khoản phải trả liên quan đến khoản vay từ Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79, hiện đang được Tổng Công ty tiếp tục làm việc với cơ quan ban ngành (như trình bày tại thuyết minh số 19), đồng thời, khoản vay này cũng đã được bảo đảm bằng 22 triệu cổ phần mà Tổng Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thực ăn gia súc Proconco.

3. TỌM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÀN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo trình bày bằng Bảng Đông Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các ước tính kế toán được lập bằng tài cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

3. TỌM TẮT CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Tài sản được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Công nợ tài chính: Tài ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn từ 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

3. TỌM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty này. Ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên-doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lý kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết.

Đổi với các trường hợp dự phòng các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà Văn phòng Tổng Công ty danh gia là cần trích lập dự phòng theo nguyên tắc thận trọng dựa trên các thông tin thu thập được như trường hợp của Công ty Cổ phần Thủy sản số 4. Giá trị dự phòng sẽ được Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty danh gia và quyết định.

Tăng, giảm số dự phòng tồn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công ty con của đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con của đơn vị khác phân ánh các khoản đầu tư công ty con vào những Tổng Công ty.

Khoản đầu tư vào công ty con của đơn vị khác được phân ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

3. TỜM TẤT CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác (Tiếp theo)

Dự phòng tồn tại cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư vào các công cụ vốn khác (Tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sâu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cũng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất: Chi phí Tiền thuê đất phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê từ ngày 01/01/2017 đến ngày 16/02/2024.

Tiền thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định: Chi phí thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

3.

TÌM TẮT CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh công chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ. Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm khấu hao	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý
05 - 40				
03 - 13				
05 - 10				
03 - 10				

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 32,5 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty là 16 C2 KCN Sông Thân 2.

Phân mềm máy vi tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 đến 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiêt bị, chi phí khác có liên quan như hợp với chứng sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phân ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phân ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kê toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phân ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thăng dư vốn cổ phần: Thăng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phải trả hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tài phải trả và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tài phải trả hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thăng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phân ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tài phải trả hành, chênh lệch giữa giá tài phải trả hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thăng dư vốn cổ phần".

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.
đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.
Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc

Chi phí đi vay

được dùng để chia cho chi phí lãi.
giữa niên độ. Lãi chênh lệch tỷ giá do danh giá lãi các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư Ngoại tệ

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.
áp dụng.
Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất
đó.
(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

Ghi nhận doanh thu

Có tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
các khoản mục phi tiền tệ khác.
đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do danh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và nhận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến Luồng tiền và khả năng chi trả có tức như lãi do Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ năm trong lợi

theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ

Phân phối lợi nhuận

3. TQM TAT CAC CHINH SACH KE TOAN CHU YEU (Tiep theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Số 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính
MÀU SỐ B 09a-DN
TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Bảo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập và công bố cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty, do đó Tổng Công ty không trình bày giao dịch với các bên liên quan trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Bên liên quan

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp, tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp, tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp, tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp, tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp, tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp, tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp, tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp, tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp, tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp, tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp, tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp, tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

TUYÊN MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Số 2 : 4 - 6 Đông Khê, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

MÀU SỐ B 09a-DN CÔNG TY CỔ PHẦN

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2 - 4 - 6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

MẪU SỐ B 09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
VND	VND
498.001.000	548.611.481
10.121.630.241	2.151.918.356
1.574.142.900	2.160.161.200
12.193.774.141	4.860.691.037

Tiền mặt
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn
từ 3 tháng trở xuống)
Cộng

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 2 - 4 - 6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đảo hạn (tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng)
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Bình Dương
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Sài Gòn
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng

Số đầu kỳ		Số cuối kỳ	
Gia trị ghi số VND	Gia gốc VND	Gia gốc VND	Gia trị ghi số VND
124.278.890.959	124.278.890.959	162.688.950.685	162.688.950.685
61.576.370.411	61.576.370.411	19.100.000.000	19.100.000.000
61.302.520.548	61.302.520.548	141.688.950.685	141.688.950.685
1.400.000.000	1.400.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000

Số đầu kỳ		Số cuối kỳ	
Dự phòng VND	Gia trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Gia trị hợp lý VND
(24.465.669.994)	950.097.806.707	(24.465.669.994)	950.097.806.707
-	148.758.961.387	-	148.758.961.387
-	39.164.400.000	-	39.164.400.000
-	31.450.200.000	-	31.450.200.000
-	79.223.570.400	-	79.223.570.400
-	59.125.347.600	-	59.125.347.600
-	38.085.190.987	-	38.085.190.987
-	40.344.300.000	-	40.344.300.000
(17.367.500.000)	662.982.094.919	(17.367.500.000)	662.982.094.919
(4.867.500.000)	4.867.500.000	(4.867.500.000)	4.867.500.000
-	2.822.244.376	-	2.822.244.376
-	7.055.024.691	-	7.055.024.691
-	9.362.396.255	-	9.362.396.255
-	36.071.360.000	-	36.071.360.000
-	33.296.640.000	-	33.296.640.000
-	14.432.040.000	-	14.432.040.000
(12.500.000.000)	39.992.400.000	(12.500.000.000)	39.992.400.000
-	10.918.845.000	-	10.918.845.000
-	4.994.824.935	-	4.994.824.935
-	546.897.499.662	-	546.897.499.662

b) Đầu tư tài chính dài hạn
- Đầu tư vào công ty con
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản (ii)
- Công ty Cổ phần Đông sông sấu Nhà Bè (i)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hà Long (i)
- Công ty Cổ phần Thủy sản số 5 (i)
- Công ty Cổ phần Đồ hộp Hà Long (i)
- Công ty Cổ phần Thủy sản số 4 (iii)
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (i)
- Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga (iv)
- Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thực ăn gia súc Proconco (v)

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2 - 4 - 6 Đông Khôi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

MẪU SỐ B 09a-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TẠI CHÍNHH (Tiếp theo)

Số đầu kỳ		Số cuối kỳ	
Gia gốc	Gia trị hợp lý	Gia gốc	Gia trị hợp lý
VND	VND	VND	VND
b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)			
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
138.356.750.401	(7.098.169.994)	138.356.750.401	(7.098.169.994)
53.249.400.000	-	53.249.400.000	-
26.220.102.358	(*)	26.220.102.358	(*)
23.144.531.354	19.440.000.000	19.440.000.000	(3.704.531.354)
22.522.500.000	36.611.197.600	-	22.522.500.000
6.505.488.945	(*)	6.505.488.945	(*)
2.000.000.000	(*)	2.000.000.000	(*)
1.307.080.395	(*)	1.307.080.395	(*)
1.254.969.616	(*)	1.254.969.616	(*)
995.940.542	(*)	995.940.542	(*)
553.333.272	(*)	553.333.272	(*)
455.000.000	(*)	455.000.000	(*)
148.403.919	(*)	148.403.919	(*)
Số đầu kỳ			
Gia gốc	Gia trị hợp lý	Gia gốc	Gia trị hợp lý
VND	VND	VND	VND
DỰ PHÒNG			
138.356.750.401	(7.098.169.994)	138.356.750.401	(7.098.169.994)
53.249.400.000	-	53.249.400.000	-
26.220.102.358	(*)	26.220.102.358	(*)
23.144.531.354	19.440.000.000	23.144.531.354	19.440.000.000
22.522.500.000	36.611.197.600	-	22.522.500.000
6.505.488.945	(*)	6.505.488.945	(*)
2.000.000.000	(*)	2.000.000.000	(*)
1.307.080.395	(*)	1.307.080.395	(*)
1.254.969.616	(*)	1.254.969.616	(*)
995.940.542	(*)	995.940.542	(*)
553.333.272	(*)	553.333.272	(*)
455.000.000	(*)	455.000.000	(*)
148.403.919	(*)	148.403.919	(*)

Gia trị hợp lý (*):

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Ngoài các khoản đầu tư tài chính có giá niêm yết trên thị trường của cổ phiếu đầu tư đã được Tổng Công ty xác định giá trị hợp lý và trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ thì các khoản đầu tư tài chính khác chưa xác định giá trị hợp lý do không có giá niêm yết trên thị trường của cổ phiếu đầu tư và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Thông tin bổ sung của các khoản đầu tư tài chính:

(i) Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 hoặc kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020 của các khoản đầu tư này đều có lãi lũy kế.

(ii) Tổng Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư này do phần lỗ đã vượt giá trị khoản đầu tư.

(iii) Hội đồng thẩm định của Tổng Công ty quyết định trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này theo các thông tin tài chính thu thập được theo nguyên tắc thận trọng.

(iv) Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga đã ngưng hoạt động, đang làm thủ tục để giải thể Công ty theo quy định. Sau khi nhận tiền hỗ trợ bồi thường giải thể bằng từ Ủy ban Nhân dân Quận 2, Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga đã chuyển trả phần vốn góp cho Tổng Công ty trong năm 2017 (Xem thuyết minh số 18). Tuy nhiên, cho đến hiện tại, do Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga chưa hoàn tất việc giải thể, nên Tổng Công ty chưa xử lý bù trừ khoản đầu tư này với phần tiền đã nhận từ Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga.

(v) Tổng Công ty đã dùng 22.000.000 cổ phần của Tổng Công ty có tại Proconco để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 (Xem thuyết minh số 19). Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Proconco có lãi lũy kế.

(vi) Giá trị dự phòng các khoản đầu tư này được trích lập theo giá trị thị trường của khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(vii) Tổng Công ty chưa xem xét đánh giá lập dự phòng cho các khoản đầu tư này theo thông tin thu thập tại chính thu thập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020 do danh giá ảnh hưởng là không trọng yếu.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502276504, đăng ký lần đầu ngày 12/3/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 31/10/2018 do Số Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và Hợp đồng hợp tác đầu tư số 30/2015/HĐHT_TSVN-NK ngày 5/3/2015, Tổng Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cổ May 15.000.000 VND tương đương 7,5% vốn điều lệ.

Theo Giấy chứng nhận phần vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cổ May số 01/GCN-CMC ngày 20/3/2015 thì Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần) đã góp đủ giá trị phần vốn góp (theo vốn điều lệ) là 15.000.000 VND dưới hình thức giá trị công trình trên đất, tiền hỗ trợ di dời và giá trị lợi thế về khai thác, quản lý sử dụng khu đất tại chôn cất Công ty Cổ May. Tuy nhiên Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản đầu tư trên do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu có gửi Công văn số 2281/UBND-VP ngày 10 tháng 4 năm 2015 yêu cầu thu hồi đất do Tổng Công ty quản lý tại chôn cất Công ty Cổ May thuộc dự án đầu tư nêu trên và ra thông báo số 643/TB – UBND ngày 18 tháng 9 năm 2019 về việc tổ chức đấu thầu thực hiện dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Cổ May.

Hiện nay, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cổ May đang trong quá trình chuẩn bị hồ sơ để tham gia đấu thầu dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Cổ May.

Tình hình biến động dự phòng các khoản đầu tư tài chính trong kỳ như sau:

Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu kỳ	Số đầu kỳ
Trích dự phòng trong kỳ	Trích dự phòng trong kỳ
(Hoàn nhập) dự phòng trong kỳ	(Hoàn nhập) dự phòng trong kỳ
Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
VND	VND
24.465.669.994	16.804.769.900
-	197.236.301
-	(207.600.000)
<u>24.465.669.994</u>	<u>16.794.406.201</u>

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2-4 - 6 Đông Khê, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TẠI CHÍNHH (Tiếp theo)

Các giao dịch trong kỳ giữa Tổng Công ty và các công ty con và công ty liên kết như sau:

Kỳ này	Kỳ trước
VND	VND
4.747.200.000	5.934.000.000
145.512.000	-
3.808.825.500	2.031.373.600
343.400.000	783.600.000

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội

Cô tức được chia

Bán hàng hóa

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung

Cô tức được chia

2.183.769.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hà Long

Cô tức được chia

192.000.000

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hà Long

Cô tức được chia

693.680.000

Công ty Cổ phần Thủy sản số 5

Cô tức được chia

554.400.000

Mua hàng hóa

6. PHẢI THU NGÂN HÀNG CỦA KHÁCH HÀNG

Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
VND	VND
31.289.633.493	18.237.930.695
-	2.887.977.000
3.923.997.087	5.290.184.005
35.213.630.580	26.416.091.700

Công ty Cổ phần Thép Vạn Thành

SAS Celitgel

Các đối tượng khác

Công

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HÀNG

Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
VND	VND
610.830.342	610.830.342
159.250.000	159.250.000
650.000.000	650.000.000
240.000.000	-
120.605.080	93.300.000
1.780.685.422	1.513.380.342

Công ty TNHH TM Hải Hòa Phát

Công ty Cổ phần SPL

Công ty TNHH MTV Phi Huỳnh

Công ty TNHH Văn tại Du lịch Dịch vụ Thương Mại Phú

Thỉnh

Đối tượng khác

Công

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
Gia trị	Dự phòng	Gia trị	Dự phòng
VND	VND	VND	VND
22.624.014.221	(2.390.231.205)	36.172.517.838	(2.390.231.205)
Phải thu tiền cổ tức được nhận			
12.041.487.200	-	27.497.990.600	-
100.000	-	100.000	-
2.914.999.037	-	2.337.477.513	-
151.500.617	-	153.917.308	-
-	-	1.567.565	-
1.521.188.795	(1.521.188.795)	1.521.188.795	(1.521.188.795)
525.747.790	(525.747.790)	525.747.790	(525.747.790)
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Vàng			
Ông Phan Văn Trí			
343.294.620			
343.294.620	(343.294.620)	343.294.620	(343.294.620)
Công ty TNHH MTV Tài Tâm			
Long Biên			
Phải thu ngân hàng khác			
673.118.076	-	683.118.076	-
4.007.253.201	(23.141.800)	3.944.749.322	(23.141.800)
b) Dãi hạn			
4.007.253.201	(23.141.800)	3.944.749.322	(23.141.800)
Kỳ cược, kỳ quy			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

9. NỢ XẤU

Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
Gia trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Gia gốc	Gia trị có thể thu hồi
982.005.707		1.117.355.049	31.111.350
<i>a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>			
150.000.000	- Trên 3 năm	150.000.000	- Trên 3 năm
537.324.601	- Trên 3 năm	626.334.903	- Trên 3 năm
294.681.106	Trên 1 năm	341.020.146	Trên 1 năm
<i>b) Phải thu khác</i>			
2.413.373.005	-	2.413.373.005	-
525.747.790	- Trên 3 năm	525.747.790	- Trên 3 năm
<i>Vàng</i>			
343.294.620	- Trên 3 năm	343.294.620	- Trên 3 năm
1.521.188.795	- Trên 3 năm	1.521.188.795	- Trên 3 năm
<i>DNTN Thương mại Tân Vạn Phát</i>			
23.141.800	-	23.141.800	-
<i>Đổi tương khác (dài hạn)</i>			
610.830.342	-	610.830.342	-
<i>c) Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>			
610.830.342	-	610.830.342	-
610.830.342	- Trên 3 năm	610.830.342	- Trên 3 năm
<i>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Năm Vàng</i>			
4.006.209.054	-	4.141.558.396	31.111.350
22.921.050	-	22.921.050	-

Trình hình biến động dự phòng các khoản phải thu trong năm như sau:

Số đầu kỳ		Số cuối kỳ	
Trích dự phòng trong kỳ	Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	Kỳ này	Kỳ trước
4.706.991.779	7.733.900	4.110.447.046	4.706.991.779
(430.249.991)	-	(127.159.042)	(430.249.991)
4.284.475.688	3.983.288.004	3.983.288.004	4.284.475.688

10. HÀNG TỒN KHO

Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
Gia gốc	Dự phòng	Gia gốc	Dự phòng
405.652.876	(9.010.000)	693.936.316	(9.010.000)
8.021.372.721	(9.010.000)	8.429.441.973	(9.010.000)
<i>Công</i>			
<i>Hàng hóa doanh dở dang</i>			
121.678.993	-	532.083.307	-
<i>Nguyên liệu, vật liệu</i>			
7.494.040.852	-	7.203.422.350	-
<i>Chi phí sản xuất kinh</i>			

11. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ	GIẢ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ	GIẢ TRỊ CÒN LẠI	Tại ngày đầu kỳ	Tại ngày cuối kỳ
Nhà cửa,	VND	87.714.101.436	8.080.945.844	4.086.575.055	304.836.919	100.186.459.254		
Máy móc,	VND	87.714.101.436	8.080.945.844	4.086.575.055	304.836.919	100.186.459.254		
Thiết bị	VND	87.714.101.436	8.080.945.844	4.086.575.055	304.836.919	100.186.459.254		
Phong tiền	VND	87.714.101.436	8.080.945.844	4.086.575.055	304.836.919	100.186.459.254		
vận tải, truyền	VND	87.714.101.436	8.080.945.844	4.086.575.055	304.836.919	100.186.459.254		
dẫn	VND	87.714.101.436	8.080.945.844	4.086.575.055	304.836.919	100.186.459.254		
Thiết bị dùng	VND	87.714.101.436	8.080.945.844	4.086.575.055	304.836.919	100.186.459.254		
cụ quản lý	VND	87.714.101.436	8.080.945.844	4.086.575.055	304.836.919	100.186.459.254		
Tổng cộng	VND	87.714.101.436	8.080.945.844	4.086.575.055	304.836.919	100.186.459.254		

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2020 với giá trị là 19.274.415.246 VND (tại ngày 01/01/2020 với giá trị là 17.126.424.112 VND).

12. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ	GIẢ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ	GIẢ TRỊ CÒN LẠI	Tại ngày đầu kỳ	Tại ngày cuối kỳ
Quyền sử dụng đất	VND	25.532.342.472	446.896.000	25.532.342.472	25.532.342.472	20.257.756.735		
Chương trình phần mềm	VND	25.532.342.472	446.896.000	25.532.342.472	25.532.342.472	20.257.756.735		
Tổng cộng	VND	25.532.342.472	446.896.000	25.532.342.472	25.532.342.472	20.257.756.735		

Quyền sử dụng đất tại lô C2 KCN Sông Thành 2 với nguyên giá đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại năm (bắt đầu từ ngày 17/4/2015 đến ngày 16/10/2047).

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2020 với giá trị là 107.000.000 VND (tại ngày 01/01/2020 với giá trị là 107.000.000 VND).

Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
268.300.700	3.120.275.544
7.285.500	350.846.344
261.015.200	-
-	2.769.429.200
VND	VND

Công ty TNHH XNK Thực phẩm A Châu
 Công ty TNHH Thực ăn chân người Ngọc Long
 Đối tượng khác
Công

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÀN HẠN

Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1.131.513.802	1.301.809.510
20.781.372	40.927.445
10.694.447	100.000.000
1.686.666	10.596.300
33.162.485	151.523.745
VND	VND

a) Ngân hạn
 Công cụ, dụng cụ xuất dùng
 Thuế nhà kho, mặt hồ
 Các khoản khác
b) Dài hạn
 Tiền thuê đất trả 1 lần tại Thành phố Hải Phòng
 Chi phí khác

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Trong đó, chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 81.611.200.975 VND.

Giá trị quyền sử dụng đất tại 2-4-6 Đông Khê, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh bao gồm giá trị đất, tài sản trên đất và vốn hóa chi phí lãi vay liên quan đến khoản vay của Công ty Cổ phần Bắc Nam 79 dùng để thanh toán cho việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của khu đất này đã được Tổng Công ty thực hiện ghi nhận để phù hợp với tình hình thực tế hiện tại là vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Quyết định số 6739/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 về duyệt phương án giá đất theo giá thị trường của khu đất số 2-4-6 đường Đông Khê, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần sẽ căn cứ vào tình hình hiện tại, tuy nhiên mặc dù Tổng Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, tài chính để được chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đã được Chi cục thuế Quận 1 xác nhận Tổng Công ty đã nộp tiền đất tại ngày 24/01/2017, Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận Tổng Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo Công văn số 814 tại ngày 27/01/2017 nhưng cho đến hiện nay, Tổng Công ty vẫn chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện triển khai Dự án xây dựng trung tâm thương mại, văn phòng và căn hộ trên khu đất này.

Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
636.028.349.013	627.302.321.616
109.694.182	109.694.182
229.453.856	229.453.856
635.689.200.975	626.963.173.578
VND	VND

Công
 Dự án số 02 Ngõ Gia Tự, TP. Hà Nội
 Công trình Khách sạn Blue Sapphire - Vũng Tàu
 Khôi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
 Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 2-4-6 Đông

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Mã số B 09a-DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2/4 - 6 Đông Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Số cuối kỳ	Số cuối kỳ	Số phải nộp	Số thực nộp
VND	VND	VND	VND
367.583.948	2.114.710.871	1.039.813.958	(1.131.007.335)
258.986.475	1.039.813.958	3.036.473.007	(3.036.473.007)
-	3.036.473.007	50.089.286	(50.089.286)
-	93.651.656	93.651.656	(93.651.656)
626.570.423	6.334.738.778	(6.286.729.967)	578.561.612

Thuế GTGT hàng bán nội địa
Thuế thu nhập cá nhân
Thuế thu thuế đất
Thuế đất phi nông nghiệp
Các loại thuế, phí khác

Cộng

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HÀNG

Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
VND	VND
62.129.450.422	53.403.423.025
7.317.197.314	6.049.960.154
309.196.965	311.504.564
69.755.844.701	59.764.887.743

Lãi vay phải trả

Tiền thuê đất

Chi phí trích trước khác

Cộng

18. PHẢI TRẢ NGÂN HÀNG KHÁC

Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
VND	VND
9.035.908.921	8.650.458.061
4.994.824.935	4.994.824.935
1.776.021.500	1.776.021.500
871.872.062	871.872.062
639.800.000	562.800.000
753.390.424	444.939.564
19.100.080.000	19.160.080.000

a) Ngân hàng

Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga (i)

Ngô Quang Huy (tiền thi hành án)

Trợ cấp thời việc

Kỳ quỹ, kỳ cước

Các khoản phải trả khác

b) Đại hạn

- Nhận kỳ quỹ, kỳ cước dài hạn

(i)

La số dư liên quan đến khoản Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga trả lãi tiền Công ty đã đầu tư góp vốn vào Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga (xem thuyết minh số 5).

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 2 - 4 - 6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

MÃU SỐ B 09a-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

19. VAY NGÂN HÀNG

Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
Số có khả năng	Giá trị	Giá trị	trả nợ	Số có khả năng	trả nợ
VND	VND	VND	VND	VND	VND
250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	250.000.000.000	250.000.000.000
-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)	-	-
250.000.000.000	250.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	250.000.000.000	250.000.000.000

Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 (i)
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - CN Bình Dương
Công

(i) Là khoản vay Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 để nộp tiền sử dụng đất của khu đất số 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất 7%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng 22.000.000 cổ phần của Tổng Công ty có tại Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thực phẩm gia súc Proconco (Xem thuyết minh số 5).

Tại bản án phúc thẩm số 346/2019/HS-PT ngày 13/6/2019, Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội ra quyết định có nội dung liên quan đến quyền và lợi ích của Tổng Công ty như sau: "Buộc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam nộp số tiền 250.000.000.000 VND (tiền gốc) và 18.403.423.025 VND (tiền lãi) đã vay của Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 cho Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền để đảm bảo cho việc thi hành án đối với nghĩa vụ của pháp nhân, tách nhiệm của bị cáo Phan Văn Vũ trong vụ án này và các giao dịch khác có liên quan".

Ngày 27/02/2020, Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hà Nội ra Quyết định thi hành án chủ động số 910/QĐ-CTHADS yêu cầu Tổng Công ty thi hành bản án trên. Tổng Công ty đã có Công văn số 207/TSVN-TCKT ngày 21/5/2020 gửi Tổng Cục trưởng Tổng Cục thi hành án dân sự và Cục trưởng Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội về việc đề nghị giải quyết các vấn đề liên quan đến quyết định thi hành án không phù hợp với quy định của Luật thi hành án dân sự.

Cho đến hiện nay, Văn phòng Tổng Công ty tạm thời chưa nộp tiền theo Quyết định trên và đang tiếp tục kháng nghị với thủ tục giám đốc thẩm, cũng như làm việc với các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến vụ án này.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

20. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
3.564.076.800	3.564.076.800
3.564.076.800	3.564.076.800
20%	20%
VND	VND
Số đầu kỳ	Số cuối kỳ

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoàn lại phải trả
 Thuế thu nhập hoàn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế
 Thuế thu nhập hoàn lại phải trả

Thuế thu nhập hoàn lại phải trả

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
VND	VND	VND	VND	VND
1.250.000.000.000	(95.950.000)	3.416.462.121	69.180.471.905	1.322.500.984.026
Số đầu năm trước				
Lãi năm trước				
Điều chỉnh giá trị khấu hao của Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại 2-4-6 Đồng Khởi đã trích vào kết quả kinh doanh các kỳ trước				
Điều chỉnh phân lại vay liên quan đến Quyền sử dụng đất tại 2-4-6 Đồng Khởi đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh các kỳ trước				
Điều chỉnh phân lại phát triển				
Trích quỹ đầu tư				
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi				
Tăng khác				
Số cuối năm trước				
Lãi kỳ này				
Trích quỹ đầu tư				
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)				
Số cuối kỳ này				

48.773.793.578	48.773.793.578	-	-	-	48.773.793.578
-	(1.634.842.501)	1.634.842.501	-	-	-
-	(2.292.228.732)	-	-	-	(2.292.228.732)
448.246.006	448.246.006	-	-	-	448.246.006
1.454.857.255.014	199.901.900.392	5.051.304.622	199.901.900.392	5.051.304.622	1.454.857.255.014
34.845.250.937	34.845.250.937	-	-	-	34.845.250.937
-	(2.999.586.472)	2.999.586.472	-	-	-
(4.516.516.001)	(4.516.516.001)	-	-	-	(4.516.516.001)
1.485.185.989.950	227.231.048.856	8.050.891.094	227.231.048.856	8.050.891.094	1.485.185.989.950

(i) Tổng Công ty trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 65/NQ-DHĐCĐ ngày 27/4/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 03 ngày 08 tháng 11 năm 2018, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.250.000.000 VND, tương ứng với 125.000.000 cổ phần.

Tại ngày 30/6/2020, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp	
VND	%	VND	%
792.280.000.000	63,38%	792.280.000.000	63,38%
167.500.000.000	13,40%	167.500.000.000	13,40%
-	0,00%	-	0,00%
249.560.000.000	19,96%	249.560.000.000	19,96%
95.950.000	0,01%	95.950.000	0,01%
40.564.050.000	3,25%	40.564.050.000	3,25%
1.250.000.000.000	100%	1.250.000.000.000	100%

Cổ phiếu

Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
125.000.000	125.000.000	125.000.000	125.000.000
+	+	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu ưu đãi	9.500	9.500
+ Cổ phiếu phổ thông	+ Cổ phiếu phổ thông	9.500	9.500
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	+ Cổ phiếu ưu đãi	124.990.500	124.990.500
+ Cổ phiếu phổ thông	+ Cổ phiếu phổ thông	124.990.500	124.990.500

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2-4 - 6 Đông Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngôại tệ

Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/6/2020 bao gồm 40,36 USD (tại ngày 01/01/2020 là 154,96 USD).

Nợ khó đòi đã xử lý

Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	VND	VND
187.452.000	187.452.000	47.914.627	47.914.627
6.231.565	6.231.565	41.000.000	41.000.000
187.452.000	187.452.000	282.598.192	282.598.192

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Tân Việt
 Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Thuận
 Thuế Xuất nhập khẩu nộp 2 lần tại Chi cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
 Công ty TNHH Chế biến Kinh doanh Hải sản Dương Hà

Hàng hóa nhận làm đại lý

Đơn vị	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Giá trị	Giá trị
M/chai thủy tinh 200ml, 60g N/lt	-	-	36	2.355.012
M/chai thủy tinh 500ml, 40g N/lt	-	-	18	1.391.994
M/chai thủy tinh 180ml, 40g N/lt	-	-	48	1.419.984
M/chai thủy tinh 500ml, 30g N/lt	-	-	18	777.006
M/chai PET 500ml, 35g N/lt	-	-	6	283.998
M/chai PET 500ml, 30g N/lt	-	-	6	205.998
M/chai PET 180ml, 35g N/lt	-	-	24	462.000
M/chai PET 2 lít, 25g N/lt	-	-	6	504.000
M/chai PET 2 lít, 15g N/lt	-	-	6	313.002
M/chai PET 5 lít, 12g N/lt	-	-	4	413.000
Cộng	-	-	172	8.125.994

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tổng Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh
Tổng Công ty hoạt động trong bộ phận kinh doanh chính là người trồng và thương mại ngành thủy sản. Do đó, Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Khu vực địa lý
Ba bộ phận địa lý chính của Tổng Công ty là Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Lâm Đồng và Thành phố Hải Phòng. Tổng Công ty trình bày theo báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý như sau:

Chỉ tiêu	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Lâm Đồng	Tổng cộng
Kỳ này / Số cuối kỳ	62.752.944.759	2.115.140.799	6.653.988.251	71.522.073.809
1. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	36.175.100.812	3.582.256.321	1.537.613.648	41.294.970.781
2. Giá trị còn lại của Tài sản cố định	-	-	-	-
3. Tổng chi phí đã phát sinh để mua Tài sản cố định (theo vị trí của tài sản)	-	-	-	-
Kỳ trước / Số đầu kỳ	49.721.465.466	1.470.618.262	11.097.027.502	62.289.111.230
1. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	37.773.136.444	4.031.671.045	1.841.595.842	43.646.403.331
2. Giá trị còn lại của Tài sản cố định	-	-	-	-
3. Tổng chi phí đã phát sinh để mua Tài sản cố định (theo vị trí của tài sản)	-	-	-	-

24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Kỳ này	Kỳ trước
VND	VND
71.557.865.835	62.377.118.128
40.428.964.574	28.617.322.513
6.510.540.550	10.999.034.400
24.618.360.711	22.760.761.215
35.792.026	88.006.898
35.792.026	88.006.898
35.792.026	88.006.898
71.522.073.809	62.289.111.230

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Các khoản giảm trừ doanh thu

- Chiết khấu thương mại

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Kỳ này	Kỳ trước
VND	VND
39.222.238.537	27.802.357.850
4.635.830.586	8.152.807.031
8.588.237.855	14.440.625.958
52.446.306.978	50.395.790.839

Giá vốn hàng hóa đã bán

Giá vốn của thành phẩm đã bán

Giá vốn dịch vụ đã cung cấp

Cộng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Kỳ này	Kỳ trước
3.956.761.889	5.407.472.074
5.499.836.550	5.169.149.004
2.351.432.550	8.870.295.209
7.361.394.584	5.167.396.288
1.422.330.348	3.516.920.502
20.591.755.921	28.131.233.077

Cộng

Chi phí nguyên liệu, vật liệu
 Chi phí nhân công
 Chi phí khấu hao tài sản cố định
 Chi phí dịch vụ mua ngoài
 Chi phí khác bằng tiền

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Kỳ này	Kỳ trước
4.914.933.808	2.539.905.789
96.786.042	156.194.526
17.138.489.100	21.412.449.000
731.158.423	155.207.030
12.476.368	673.545
-	2.737.232
22.893.843.741	24.267.167.122

Cộng

Lãi tiền gửi có kỳ hạn
 Lãi tiền gửi không kỳ hạn
 Cổ tức, lợi nhuận được chia
 Lãi bán hàng trả chậm
 Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
 Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Kỳ này	Kỳ trước
15.205.479	8.678.082.192
232.590	-
-	(207.600.000)
197.236.301	8.667.718.493
15.438.069	8.667.718.493

Cộng

Chi phí lãi vay
 Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
 Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính
 Chi phí tài chính khác

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Kỳ này	Kỳ trước
653.129.148	799.117.935
3.900.000	2.609.200
49.379.434	63.823.667
87.942.474	35.129.141
294.406.559	199.046.312
263.144.368	274.566.133
1.351.901.983	1.374.292.388

Cộng

Chi phí nhân viên
 Chi phí vật liệu, bao bì
 Chi phí dụng cụ, đồ dùng
 Chi phí khấu hao TSCĐ
 Chi phí dịch vụ mua ngoài
 Các khoản chi phí bán hàng khác

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

Kỳ này	Kỳ trước
3.659.345.268	3.426.210.743
71.272.183	168.033.998
100.830.027	74.896.759
405.740.520	394.536.318
341.857.062	284.422.998
(127.159.042)	(422.516.091)
446.118.190	620.603.439
766.579.505	940.651.617
5.664.583.713	5.486.839.781

Cộng

Chi phí nhân viên
 Chi phí vật liệu quản lý
 Chi phí đồ dùng văn phòng
 Chi phí khấu hao TSCĐ
 Thuế, phí và lệ phí
 Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi
 Chi phí dịch vụ mua ngoài
 Các khoản chi phí QLDN khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Kỳ trước	Kỳ này
VND	VND
20.620.343.254	34.845.250.937
1.373.817.857	345.919.884
1.373.817.857	345.687.294
-	232.590
21.415.186.232	17.138.489.100
2.737.232	-
21.412.449.000	17.138.489.100
578.974.879	18.052.681.721
(578.974.879)	(18.052.681.721)
-	-
20%	20%
-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
chi thuế năm hiện hành	chi thuế năm hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
 Điều chỉnh cho thu nhập không chịu thuế
 Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng
 - Chi phí không được trừ
 - Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền
 tệ có gốc ngoại tệ
 Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm
 - Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền
 tệ có gốc ngoại tệ
 Tổng thu nhập chịu thuế
 Chiếu lỗ
 Tổng thu nhập tính thuế
 Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp
 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Thu nhập chịu thuế âm còn được chuyển tại ngày 30/6/2020 như sau:

Năm phát sinh	Thu nhập chịu thuế (VND)	Kỳ được chuyển	Số đã chuyển	Số còn được chuyển
2015	(115.020.080.641)	2016 - 2020	59.884.759.406	(55.135.321.235)
2016	(1.846.725.230)	2017 - 2021	-	(1.846.725.230)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho các khoản này vì khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai là không chắc chắn.

31. CÔNG NỢ TIÊM TẶNG

Ngày 08/7/2020 Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ("SCIC") đã gửi công văn số 1598/ĐTKĐV-ĐT3 cho Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam ("Seaprodex") đề nghị ký biên bản xác nhận nợ và cam kết lộ trình trả nợ khoản nợ lãi chậm nộp Quý hồ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp với số tiền là 3.870.768.571 VND, đồng thời đề nghị Seaprodex gửi công văn báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đề báo cáo cấp có thẩm quyền tiếp tục làm rõ việc Seaprodex có được giảm trừ hay miễn lãi chậm nộp Quý hồ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp hay không. Hiện tại, Tổng Công ty vẫn chưa ghi nhận nghĩa vụ nợ này.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cầu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
VND	250.000.000.000	VND	250.000.000.000
Các khoản vay	4.860.691.037	Các khoản vay	12.193.774.141
Nợ thuần	245.139.308.963	Nợ thuần	237.806.225.859
Vốn chủ sở hữu	1.485.185.989.950	Vốn chủ sở hữu	1.454.857.255.014
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	16,51%	Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	16,35%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
VND	4.860.691.037	VND	12.193.774.141
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.702.756.180	Tiền và các khoản tương đương tiền	58.324.145.184
Phải thu khách hàng và phải thu khác	162.688.950.685	Phải thu khách hàng và phải thu khác	124.278.890.959
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.007.353.201	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.944.849.322
Các khoản kỳ quy	225.259.751.103	Các khoản kỳ quy	198.741.659.606

Công nợ tài chính		Tổng cộng	
Các khoản vay	250.000.000.000	Các khoản kỳ quy	340.695.701.348
Phải trả người bán và phải trả khác	28.404.289.621	Chi phí phải trả	59.764.887.743
Chi phí phải trả	69.755.844.701	Tổng cộng	348.160.134.322

Tổng Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán như trình bày tại thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc danh giá và ghi nhận hàng công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

32.

CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phân ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chỉ phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá có phiếu

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tìm kiếm đối tác phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trong yêu cầu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
Số cuối kỳ			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.860.691.037	-	4.860.691.037
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.702.756.180	-	53.702.756.180
Dầu tự nắm giữ đến ngày đáo hạn	162.688.950.685	-	162.688.950.685
Các khoản kỳ quỵ	100.000	4.007.253.201	4.007.353.201
Tổng cộng	221.252.497.902	4.007.253.201	225.259.751.103
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	250.000.000.000	-	250.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	9.304.209.621	19.100.080.000	28.404.289.621
Chi phí phải trả	69.755.844.701	-	69.755.844.701
Tổng cộng	329.060.054.322	19.100.080.000	348.160.134.322
Chênh lệch thanh khoản thuần	(107.807.556.420)	(15.092.826.799)	(122.900.383.219)
Số đầu kỳ			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.193.774.141	-	12.193.774.141
Phải thu khách hàng và phải thu khác	58.324.145.184	-	58.324.145.184
Dầu tự nắm giữ đến ngày đáo hạn	124.278.890.959	-	124.278.890.959
Các khoản kỳ quỵ	100.000	3.944.749.322	3.944.849.322
Tổng cộng	194.796.910.284	3.944.749.322	198.741.659.606
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	250.000.000.000	-	250.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	11.770.733.605	19.160.080.000	30.930.813.605
Chi phí phải trả	59.764.887.743	-	59.764.887.743
Tổng cộng	321.535.621.348	19.160.080.000	340.695.701.348
Chênh lệch thanh khoản thuần	(126.738.711.064)	(15.215.330.678)	(141.954.041.742)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BẢO CẢO TẠI CHÍNH TỌNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cô tức và lợi nhuận được chia không bao gồm số tiền lãi dự thu và số tiền cô tức trong năm mà chưa được thanh toán tại ngày 30/6/2020 lần lượt là 2.581.426.510 VND và 12.041.487.200 VND (tại ngày 01/01/2020 lần lượt là 2.337.477.513 VND và 27.497.990.600 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.



Mai Xuân Phong
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Vũ Thị Hồng Gấm
Phụ trách kế toán

Vô Quốc Việt
Người lập biên

